

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 294/2025/DS-ST

Ngày: 26/8/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đặng Văn Ân.

2- Ông Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TNHH MTV S (Tên cũ: Ngân hàng TMCP Đ**

Địa chỉ trụ sở: G L, Phường C, Thành phố Hà Nội (Địa chỉ cũ: 72 L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thảo N**, sinh năm: 2001 (có mặt)

Địa chỉ mới: D10/89Q Quốc lộ A, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: D Quốc lộ A, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Ông **Hà Minh T**, sinh năm: 1979 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ mới: D1/9 ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ cũ: D1/9 ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có bà Trần Thảo N trình bày như sau:

Ông Hà Minh T có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ - PGD Pouyuen (nay là Ngân hàng TNHH MTV S1), chi tiết như sau:

Tổng hạn mức cấp tín dụng cho vay trả góp: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 0003947801T23504, ngày 14/07/2023 chi tiết bao gồm những khoản như sau:

* Khoản cấp tín dụng cho vay trả góp:

Hợp đồng vay số: 0003947801T23504

Hạn mức: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn)

Lãi suất: 9%/năm

Thời hạn vay: 20 tháng

Mục đích vay: Tiêu dùng

Biện pháp đảm bảo: Tín chấp

Trong quá trình vay, từ ngày 14/07/2023, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/3/2025, ông T không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng.

Tổng số tiền ông Hà Minh T đã sử dụng dịch vụ vay trả góp là: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn); tổng số tiền đã thanh toán cho Vikki B là: 11.500.000 đồng (Bằng chữ: Mười một triệu, năm trăm nghìn đồng); trong đó bao gồm 8.714.286 đồng nợ gốc và 2.785.714 đồng nợ lãi.

Do ông Hà Minh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 10/10/2023, Ngân hàng TNHH MTV S đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 12/05/2025, ông Hà Minh T còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc: 91.285.714 đồng, Dư nợ lãi: 22.539.616 đồng, T1 dư nợ: 113.825.330 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm ba mươi đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, gửi thư nhắc nợ tới địa chỉ của ông T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Ông Hà Minh T phải trả cho Ngân hàng TNHH MTV S số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 26/8/2025 cụ thể là:

Dư nợ gốc: 91.285.714 đồng

Dư nợ lãi: 26.202.457 đồng

Lãi suất trong hạn: 9%/năm

Lãi suất quá hạn: 13,5%/năm

Tổng cộng: 117.488.171 đồng và tiền lãi phát sinh từ 27/8/2025 đến ngày ông Hà Minh T thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng TNHH MTV S theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 0003947801T23504, ngày 14/07/2023.

Tại phiên tòa:

Bà Trần Thảo N giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông Hà Minh T phải trả cho Ngân hàng TNHH MTV S tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là: Tổng cộng: 117.488.171 đồng. Trong đó:

Dư nợ gốc: 91.285.714 đồng

Dư nợ lãi: 26.202.457 đồng

Lãi suất trong hạn: 9%/năm

Lãi suất quá hạn: 13,5%/năm

Ông T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ 27/8/2025 đến ngày ông Hà Minh T thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng TNHH MTV S theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 0003947801T23504, ngày 14/07/2023.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Hà Minh T vắng mặt không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 thành Ngân hàng TNHH MTV S) khởi kiện ông Hà Minh T yêu cầu ông T thanh toán khoản tiền vay nợ theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (Có đối tác liên kết) ngày 14/07/2023 với mục đích tiêu dùng. Tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (Có đối tác liên kết) ngày 14/07/2023, ông Hà Minh T có ghi địa chỉ tại: D ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là

D1/9 ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh (Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh cũ).

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Hà Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Hà Minh T nhưng ông Hà Minh T vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông Hà Minh T đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2023 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[5] Về nội dung vụ án:

Tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (Có đối tác liên kết) ngày 14/07/2023, tổng số tiền ông Hà Minh T đã sử dụng dịch vụ vay trả góp là: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn); tổng số tiền đã thanh toán cho Vikki B là: 11.500.000 đồng (Bằng chữ: Mười một triệu, năm trăm nghìn đồng); trong đó bao gồm 8.714.286 đồng nợ gốc và 2.785.714 đồng nợ lãi.

Do ông Hà Minh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 10/10/2023, Ngân hàng TNHH MTV S đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/8/2025, ông Hà Minh T còn nợ các khoản sau: Tổng cộng 117.488.171 đồng. Trong đó:

Dư nợ gốc: 91.285.714 đồng

Dư nợ lãi: 26.202.457 đồng

Lãi suất trong hạn: 9%/năm

Lãi suất quá hạn: 13,5%/năm

Vì vậy, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Hà Minh T trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là: 117.488.171 đồng và ông T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[5.1] Đối với yêu cầu thanh toán tiền gốc của Ngân hàng TNHH MTV S:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) được ông T và Ngân hàng TMCP Đ (nay là Ngân hàng TNHH MTV S) có thỏa thuận việc vay số tiền: 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng.

Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp thì sau khi vay, ông T đã thanh toán cho V là: 11.500.000 đồng (Bằng chữ: Mười một triệu, năm trăm nghìn đồng); cụ thể ngày 09/8/2023 trả gốc: 4.321.429 đồng, trả lãi: 1.428.571 đồng; ngày 11/9/2023 trả gốc: 4.392.857 đồng, trả lãi: 1.357.143 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, gửi thư nhắc nợ tới địa chỉ của ông T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Vì vậy, do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 10/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là Dư nợ gốc: 91.285.714 đồng, Dư nợ lãi: 22.539.616 đồng, T1 dư nợ: 113.825.330 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm ba mươi đồng)

Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “...Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật...”.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV S yêu cầu ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 91.285.714 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn của Ngân hàng TNHH MTV S:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “...*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...*”

Căn cứ Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (Có đối tác liên kết) ngày 14/07/2023, các bên có thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn trong hợp đồng tín dụng được thể hiện tại khoản 4.1 và 4.2 có quy định Lãi suất trong hạn: 9%/năm, Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là: 13,5%/năm; căn cứ bảng tính lãi hồ sơ vay tiêu dùng trả góp theo khách hàng, chia 20 kỳ. Tuy nhiên kể từ ngày 12/9/2023 đến nay, ông T không thanh toán thêm khoản tiền gốc nào cho ngân hàng N1; Vậy nên, ông T đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng tín dụng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TNHH MTV S về việc buộc bị đơn ông Hà Minh T phải trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 26/8/2025) là 26.202.457 đồng và buộc ông T phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 0003947801T23504, ngày 14/07/2023 là có cơ sở chấp nhận.

[6] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Hà Minh T tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 –Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Về án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Ông Hà Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.874.409 (năm triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm linh chín) đồng.

H lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TNHH MTV S.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TNHH MTV S đối với bị đơn là ông Hà Minh T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Hà Minh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TNHH MTV S tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là: 117.488.171 (một trăm mười bảy triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, một trăm bảy mươi mốt) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 91.285.714 (chín mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm mười bốn) đồng; Nợ lãi: 26.202.457 (hai mươi sáu triệu, hai trăm linh hai nghìn, bốn trăm năm mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày 27/8/2025, ông Hà Minh T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn thì lãi suất mà ông T phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

Các đương sự có quyền thỏa thuận về địa điểm giao nhận tiền và thời điểm giao nhận tiền, trường hợp không thỏa thuận được thì thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hà Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.874.409 (năm triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm linh chín) đồng.

- H lại cho Ngân hàng TNHH MTV S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.730.280 (Hai triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, hai trăm tám mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051792 ngày 16/1/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND KV10 – TP . HCM;
- THADS TP . HCM;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Kim Định

